

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 462/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T** - Sinh năm 1982. CCCD số: 048182004039 cấp ngày 11.6.2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: P, chung cư D đường H, TDP N, phường S, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông **Trần Văn L** - Sinh năm 1980. CMND số: 201458848 do Công an thành phố Đ cấp ngày 04.4.1998. Địa chỉ: P, chung cư D đường H, TDP N, phường S, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam B - Cục C1 - Bộ C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn L.

- *Về con chung*: Công nhận bà Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã P (sinh ngày 12.12.2015) cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Ông Trần Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Riêng con chung tên Trần Văn K (sinh ngày 06.4.2007) đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn L xác nhận không có nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn L xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập đến.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, bà Trần Thị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001646 ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Còn lại hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (phường Nạ i Hiến Đông cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Diện